

**NHÌN LẠI VẤN ĐỀ THỜ KÍNH THÁNH TỬ ĐẠO TẠI VIỆT
NAM HƠN 30 NĂM SAU SỰ KIẾN PHONG THÁNH NGÀY
19/6/1988**

***Tóm tắt:** Ngày 19/6/1988, Tòa Thánh Roma đã chính thức cử hành lễ phong thánh cho 117 “chân phước tử đạo” tại Việt Nam. Sự kiện này đặt trong bối cảnh đương thời đã gây ra nhiều luồng dư luận khác nhau. Trải qua thời gian hơn 30 năm, bằng thái độ thiện chí từ cả phía Nhà nước Việt Nam và Giáo hội Công giáo, các thánh tử đạo Công giáo tại Việt Nam đã được thờ kính tại hầu hết những địa điểm có liên quan đến họ, người dân được tự do tôn thờ, cầu xin, và thực hiện các nghi lễ, lễ hội tại những đền thánh này theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. Hiện vẫn tiếp tục có những những nhân vật Công giáo khác tại Việt Nam đang được tiến hành hoặc chờ được xét duyệt hồ sơ phong thánh; đã và đang có nhiều đền thánh Công giáo trên địa bàn cả nước được xây dựng, có những ngôi đền đã trở thành “trung tâm hành hương” không chỉ ở cấp địa phương mà còn ở cấp giáo phận hoặc giáo tỉnh. Do đó, đến nay cần có một cái nhìn khái quát về vấn đề thờ kính Thánh tử đạo tại Việt Nam, cùng bàn luận về một số vấn đề như: thánh tử đạo là ai? Đặc điểm thành phần, nguồn gốc của thánh tử đạo tại Việt Nam? Việc thờ kính Thánh tử đạo tại Việt Nam trước và sau dấu mốc 19/6/1988 được quy định và diễn ra như thế nào?... Bài viết này sẽ phần nào lý giải những vấn đề trên.*

***Từ khóa:** Thánh tử đạo; đền thánh; phong thánh; thờ kính.*

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài 20/11/2020; Ngày biên tập: 16/12/2020; Duyệt đăng: 15/01/2021.

1. Về vấn đề Thánh tử đạo của Công giáo trên thế giới và ở Việt Nam

1.1. Vấn đề Thánh tử đạo của Công giáo trên thế giới

Để hiểu rõ khái niệm “Thánh tử đạo” cần làm rõ hai khái niệm “thánh” và “tử đạo”.

Theo từ điển Công giáo, *Thánh* (Sanctus, Holy, Saint, 聖) ban đầu là từ đặc biệt dùng để chỉ phẩm tính của Thiên Chúa. “Vì Thiên Chúa là *Thánh* nên tất cả những gì (người hay vật) thuộc về Ngài đều được tách riêng khỏi những gì phàm tục”¹. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, nhiều nhân vật Công giáo, những người có đời sống trội vượt cũng được công nhận là thánh, được gọi chung là các thánh. Khi tuyên thánh cho một số tín hữu đã qua đời, Hội Thánh nhìn nhận những vị này đã sống và thực hành một cách anh dũng các nhân đức, trung thành với ân sủng của Thiên Chúa, đôi khi hy sinh mạng sống của mình để làm chứng cho Nước Trời. “*Các thánh* là những mẫu gương về đời sống thánh thiện và có đặc ân chuyển cầu cho các tín hữu. Vì tình yêu thương, Thiên Chúa đã mời gọi con người hiệp thông trong sự thánh thiện của Ngài. Chính nơi Đức Kitô mà Ngài thánh hóa các tín hữu (x. Ga 17,17.19). Vì vậy, các Kitô hữu cũng được gọi là thánh “trong Đức Kitô” (x. Ep 1,1; 1 Cr 1,2)”².

Tử đạo (martyr, martyre, tuẫn đạo 殉道) có nghĩa là chết vì đạo. *Tử đạo* nghĩa gốc từ tiếng Hy Lạp là *sự làm chứng* (marturion), tức là làm chứng cho đức tin, làm chứng cho Đức Kitô bằng cái chết của chính mình. “Khi *tử vì đạo*, Kitô hữu nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô - Đấng đã chấp nhận cái chết để cứu độ muôn người. Họ nên giống Đức Kitô trong việc đổ máu để làm chứng cho đức tin. Máu của các vị *tử vì đạo* sẽ là hạt giống phát sinh thêm nhiều Kitô hữu”³.

Như vậy, thánh tử đạo theo cách định nghĩa kể trên là những người Công giáo đã chấp nhận cái chết để làm chứng cho đức tin, hướng theo lý tưởng cứu độ muôn người mà Chúa Giêsu đã làm.

Họ được giáo hội Công giáo công nhận là những người có đời sống đức tin và nhân đức vượt trội, xứng đáng làm gương cho các Kitô hữu, được nhận đặc ân chiêm ngưỡng Thiên Chúa tỏ tường và chuyển các cầu xin của các tín hữu lên Thiên Chúa, được tưởng niệm hàng năm vào những dịp nhất định và nhân ngày qua đời, tức ngày “sinh nhật (*dies natalis*) trên trời” của họ.

Cũng cần phải nói thêm rằng các thánh tử đạo chỉ là một bộ phận trong các thánh của Công giáo, và những hình thức tỏ lòng tôn kính các vị thánh này cũng thay đổi theo không gian và thời gian. Với trường hợp thánh tử đạo, vào thời kỳ đầu của Công giáo, các tín hữu ở Rôma họp nhau bên mộ các vị tử đạo để cầu nguyện, đọc lại hạnh tích của họ, dâng Thánh lễ, việc tôn kính các thánh chỉ có tính chất địa phương, nghĩa là giới hạn trong vùng mà vị thánh đã sống. Đến khi Công giáo đã tạo dựng được địa vị vững chắc của mình trong xã hội châu Âu, việc tôn kính các thánh được mở rộng, một phần nhờ việc cải táng hài cốt của các thánh tử đạo về nhà thờ hoặc những nơi an nghỉ xứng đáng hơn⁴. Tên tuổi và phép lạ của những vị này nhiều khi cũng được đồn qua các vùng khác, khiến người ta xin một phần hài cốt của họ để kính trong một cộng đồng nhất định. Các “Tử đạo thư” (*Myrtyrologium*) cũng xuất hiện, đây là một quyển lịch ghi danh tính dựa theo ngày qua đời của các vị tử đạo. Hạnh tích của những người này, ngoài những chi tiết lịch sử còn được thêm thắt những sự tích (kể cả phép lạ) nhằm xây dựng lối sống đạo đức, cũng là một cách thu hút sự chú ý của tín đồ và thậm chí cả những người ngoại đạo.

Thẩm quyền phong thánh được giáo hoàng Gregory IX dành cho Tòa thánh vào năm 1234. “Thủ tục áp dụng chỉ mới được thành hình từ thế kỷ XVII dưới thời đức Urbanô VIII. Dù sao, chính đức Bênêđictô XIV đã xác định những yếu tố căn bản của việc tử đạo trong tác phẩm luận bàn về thủ tục phong thánh (*de Servorum Dei beatificatione et beatorum canonizatione*) xuất bản tại Bologna vào những năm 1734-1738, tóm lại trong ba yếu tố sau: *thứ nhất*, yếu tố chất thể là cái chết (nếu không chết thì làm sao gọi là tử đạo

được?); *thứ hai*, yếu tố mô hình là căn nguyên gây ra cái chết vừa nói. Căn nguyên cần được xét về hai phía: phía người giết và phía người bị giết. Như vậy ta có thể phân tách yếu tố thứ hai làm hai phần. Xét về phía người giết, lý do là vì ghét đạo (*odium fidei*), còn xét về phía người bị giết thì luật đòi hỏi rằng họ là tín hữu, họ chấp nhận chịu chết vì đức tin; ngoài ra họ cần phải chứng tỏ tinh thần Kitô giáo qua việc nhẫn nhục chịu đựng, tha thứ kẻ thù chứ không nguyên rủa mạt sát”⁵.

Thủ tục phong thánh bao gồm việc xem xét các thực hành nhân đức ở mức độ anh hùng, xem xét các bút tích và tác phẩm, cũng như phép lạ do lời cầu bầu của nhân vật đó. Thủ tục ấy cũng bao hàm việc xác nhận hài cốt hay di tích của *Tôi tớ Chúa*. Chỉ sau khi tuyên bố *Chân phước* hay *Hiển thánh*, mới có thể bắt đầu việc tôn kính chính thức. Các bước cụ thể như sau:

Trước hết, phải có bên đứng đơn xin. Hồ sơ xin phong sẽ được chuyển cho người bảo vệ đức tin hay còn gọi là *Trạng sư của quỷ* để xét hỏi (*avocat du diable*). Sau đó, hồ sơ sẽ được chuyển về Bộ nghi lễ Roma. Giáo hoàng sẽ cử một Hồng y làm thuyết trình viên và một vị Giám mục làm người Tổng bảo vệ đức tin.

Các bước và cấp độ phong thánh phải trải qua các bước sau:

Bước I: Được công nhận là *Tôi tớ Chúa* (bậc Đáng kính);

Bước II: Từ những vị *Tôi tớ Chúa*, sẽ được xem xét để Giáo hoàng tôn phong lên *Chân phước* (còn gọi là Á thánh).

Bước III: Các vị *chân phước* nếu đủ điều kiện sẽ được phong thánh (Canonisation).

Thần học Công giáo đã phân biệt sự thờ lạy (*adoratio, latria*) dành cho Thiên Chúa, và sự “tôn kính” (*veneratio, dulia*) dành cho các thánh. Chỉ có Thiên Chúa mới có quyền sinh quyền sát trên dân Thiên Chúa, chủ động mọi ơn lành cho dân Thiên Chúa, và đáng cho dân Thiên Chúa thờ lạy, chúc tụng, tạ ơn, đền tạ, cầu khẩn. Còn các thánh nhân chỉ có thể cầu bầu thay cho dân Thiên Chúa trước mặt Chúa. Sự phân biệt này rõ rệt trong các kinh cầu: “Xin các

Thánh cầu bầu cho chúng con, là con cháu, biết noi gương mà sống đạo Phúc Âm, thi hành bác ái, trung thành với Hội Thánh và yêu mến quê hương”⁶.

Theo quan niệm của người Công giáo, ngày một người tử vì đạo chính là ngày sinh nhật của họ ở “nước Trời”. Cũng chính từ quan niệm đó nên thay vì buồn khổ, lo sợ trước khi đón nhận cái chết thì với họ đó là một vinh dự rất lớn. Vì thế, ngày “giỗ” của các vị được tưởng nhớ không phải với tâm tình thương tiếc như với những người quá cố khác, mà như buổi lễ, thậm chí là cả hội. Vào dịp đó, người ta đọc lại hạnh tích của các vị, cùng nhau chia sẻ với nhau câu chuyện về cái chết như một sự nhắc nhở, khuyến khích noi gương. Trải qua thời gian, do số lượng thánh tử đạo quá lớn, việc thờ kính các vị đưa đến một nan đề khác là làm “loãng” việc thờ kính Thiên Chúa và những vị Thánh quan trọng của Giáo hội. Do đó, nhằm nêu bật vai trò của Đức Kitô trong đời sống đạo, lịch phụng vụ cải tổ sau công đồng Vatican II đã loại bỏ khỏi lịch phổ quát một số ngày dành cho các vị thánh để dành nhiều chỗ hơn cho việc kính nhớ các mầu nhiệm cứu chuộc, đặc biệt là vào các ngày Chúa nhật. Về ý nghĩa việc tôn kính các thánh, công đồng Vatican II đã trình bày tóm tắt trong các Hiến chế về *Phụng vụ* (số 103-104) và về *Giáo hội* (số 48-52), với các ý chính như sau:

(1) Qua các vị thánh, Giáo hội tuyên dương kỳ công của Thiên Chúa đã thực hiện những việc phi thường nơi những con người dòn mỏng. Các nhân đức anh hùng, đặc biệt là ơn tử đạo, là hậu quả của sức mạnh ơn thánh Chúa vượt trên tính yếu đuối thường tình của nhân loại.

(2) Các thánh đã làm chứng cho tình yêu Kitô cũng như các nhân đức khác. Qua đời sống các ngài, chúng ta khám phá ra lòng lân tuất của Chúa.

(3) Các thánh đã làm gương cho chúng ta trong việc theo chân Chúa Giêsu và sống lý tưởng Phúc âm. Các ngài là mẫu gương sống động để chúng ta bắt chước. Mỗi vị thánh đều có thể nhấn nhủ

chúng ta rằng: “Hãy bắt chước tôi như tôi đã bắt chước Chúa Kitô”. Khi thấy các vị cũng là con người yếu ớt, cũng bị cám dỗ như chúng ta, nhưng đã vượt qua được, chúng ta thấy lên tinh thần và tự nhủ: tại sao họ làm được, mà tôi không làm được?

(4) Chúng ta tin tưởng các thánh cầu bầu cho chúng ta, hoặc vì cùng dòng máu ruột thịt, hoặc cùng gia đình thiêng liêng, nhưng nhất là vì tình liên đới trong Đức Kitô. Các vị thông cảm với chúng ta vì đã từng nếm trải những khó khăn trên đời, do đó, giờ đây, các ngài dâng lên Chúa công nghiệp và lời chuyển cầu, để chúng ta cũng được chiến thắng với các ngài (xc.GLCG 956-957; 1172-1173)⁷.

Nhìn chung, vấn đề tử đạo xuất hiện từ khá sớm trong lịch sử Công giáo, có những Kitô hữu sống đạo và chết vì đạo được cộng đồng Công giáo tôn vinh như là một tấm gương về đời sống đức tin. Họ được coi là có những quyền năng có thể cứu vớt hoặc chuyển các lời của những người cầu xin lên Thiên Chúa. Dần dần, nhiều vị tử đạo được tôn phong lên hàng “Hiển thánh”. Quy trình này cũng không phải nhất thành bất biến mà dần được kiện toàn, điều chỉnh. Những vị thánh tử đạo có thể được lập đền thờ ở một hoặc một vài địa phương, cũng có một số vị được Giáo hội toàn thế giới biết đến và tôn kính ở quy mô liên khu vực, toàn cầu⁸.

1.2. Vấn đề Thánh tử đạo của Công giáo tại Việt Nam

Trong số các vị tử đạo được Giáo hội Công giáo tuyên thánh và tôn kính, có 117 vị Thánh tử đạo tại Việt Nam. Giai đoạn lịch sử thời 117 thánh Tử đạo Việt Nam kéo dài đúng 117 năm, tính từ hai vị thánh tử đạo đầu tiên là Phanxicô Federich Tê và Matthêu Liciniana Đậ (tử đạo năm 1745) đến vị cuối cùng là Phêrô Đa (tử đạo năm 1862), qua các triều đại vua Lê - chúa Trịnh, Tây Sơn và triều Nguyễn (*Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức*). Xét về thành phần tử đạo, “ngoài các giám mục, linh mục chuyên lo về tôn giáo, ta thấy còn có các giáo hữu thuộc mọi tầng lớp nhân dân như quan trường có thánh Hy, quan án có thánh Khâm, quân ngũ có những

cai đội hoặc chương vệ, xuống đến những binh sĩ tầm thường, hương chức có những chánh tổng, lý trưởng. Xét về nghề nghiệp ta thấy có lang y, thương gia, có thợ may, thợ dệt, thợ mộc, cả dân chài, nhưng đông đảo nhất vẫn là giới nông dân”⁹.

Tác giả Đỗ Quang Hưng đã có phân tích chi tiết về thành phần thánh tử đạo tại Việt Nam, theo đó “cho tới cuối thế kỷ XIX, ở Việt Nam đã có trên dưới 100.000 người bỏ mình cho đức tin Công giáo”¹⁰. Trong con số rất lớn đó đã có 117 vị mà hồ sơ tên tuổi, hành trạng chính xác được Tòa thánh chấp nhận phong chân phước qua 4 lần: Năm 1900: dưới thời Giáo hoàng Leo XIII 64 vị; Năm 1906: thời Giáo hoàng Pius X 8 vị; Năm 1909: thời Giáo hoàng Pius X 20 vị; Năm 1951: thời Giáo hoàng Pius XII 25 vị.

Chia ra như sau: 11 vị người Tây Ban Nha: 6 giám mục, 5 linh mục; 10 vị người Pháp: 2 giám mục, 8 linh mục; 96 vị người Việt Nam: 37 linh mục (23 Bắc, 10 Trung, 1 Nam); 16 thầy giảng (14 Bắc, 1 Trung, 1 Nam); 1 chủng sinh (Trung) và 42 giáo dân (31 người ở miền Bắc, trong đó có 1 phụ nữ; 8 ở miền Trung; 3 ở miền Nam) thuộc các thành phần xã hội như quan án, cai tắng, viên chức, y sĩ, binh lính, nông dân, ngư dân...

Nếu theo thời điểm “tử vì đạo”: 2 vị dưới thời Trịnh Doanh (1740-1767); 2 vị dưới thời Trịnh Sâm (1767-1782); 3 vị dưới thời Cảnh Thịnh (1782-1802); 58 vị dưới thời Minh Mạng (1820-1840); 3 vị dưới thời Thiệu Trị (1840-1847); 50 vị dưới thời Tự Đức (1847-1883).

Hồ sơ xin phong thánh còn chi tiết chia theo các hình thức tử hình khác nhau của những người đã hy sinh để làm chứng cho chúa: 75 chém đầu (trảm quyết), 22 án xử giáo (thắt cổ), 9 án tra tấn chết trong tù, 6 vị bị hỏa thiêu, 5 vị bị lăng trì...

Phân loại theo nguyên quán: quê Nam Định 19 vị; quê Thái Bình 8 vị; quê Trị Thiên Huế 7 vị; quê Nam Bộ 4 vị; quê nơi khác: Thanh Hóa, Hưng Yên, Bắc Giang...

Phân loại theo nơi chết: 42 người chết tại Nam Định; 56 người

chết tại Thái Bình; 7 người chết tại Huế; 4 người chết tại Bắc Ninh; 4 người chết tại Nam Kỳ; 4 người chết không rõ tại đâu¹¹.

Qua những tổng hợp trên, có thể thấy vấn đề thánh tử đạo ở Việt Nam có yếu tố quốc tế, khi có 16 vị được phong thánh là người nước ngoài. Xét về mặt thời điểm, chủ yếu các thánh tử vì đạo vào thời Minh Mạng và Tự Đức triều Nguyễn; về mặt địa lý, các vị này chủ yếu chết ở miền Bắc Việt Nam; về thành phần tử đạo, giáo dân và linh mục vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất, còn về giới tính chỉ có 1/117 vị là phụ nữ.

Quá trình sưu tầm hạnh tích các nhân vật tử đạo, chuẩn bị hồ sơ cho việc phong thánh tử đạo tại Việt Nam được tiến hành ngay khi Công giáo cơ bản tạo lập được địa vị nhất định trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Về điểm này, nhóm tác giả Lê Ngọc Bích cho biết “từ 1874-1884, Đức cha Puginier¹² giao cho thừa sai Gendreau¹³ trách nhiệm lập hồ sơ phong thánh các vị Tử đạo Việt Nam. Gendreau rảo khắp mọi nơi thu thập chứng từ, phỏng vấn hơn 400 nhân chứng trong suốt 10 năm trời. Cha Gendreau đầu chít khăn theo kiểu người Bắc, quần xắn cao, đi bộ, lội nước, lội bùn, chống gậy lặn lội khắp nơi để sưu tầm, phỏng vấn, ghi chép, tìm di tích, chứng cứ... công trình của cha có chừng 80 quyển viết thánh quả: Năm 1901, Tòa Thánh phong Chân phước cho 27 vị tử đạo Việt Nam”¹⁴. Giám mục Paul-François Puginier và giám mục Pierre-Jean-Marie Gendreau là những người kế tiếp nhau trực tiếp lãnh đạo địa phận Tây Đàng ngoài (tức các giáo phận Hà Nội, Hưng Hóa ngày nay), đều là những người có địa vị và tiếng nói có trọng lượng của Công giáo đương thời. “Năm 1900, Đức cha¹⁵ đi Roma dự lễ phong Chân phước các vị Tử đạo Việt Nam. Năm 1901, Giáo phận phát động Tuần Tam nhật kính các Chân phước tử đạo, đặc biệt là cha thánh Dũng Lạc, cha Cornay, cha Shoeffler, Bonnard, Borie”¹⁶. Công việc lựa chọn, hoàn thiện hồ sơ, tiến hành các án phong thánh tử đạo Công giáo tại Việt Nam cho đến nay vẫn tiếp diễn, nhưng đã kết thúc một chặng đường dài bằng sự kiện lớn nhất là lễ tôn phong các thánh tử đạo tại Việt Nam năm 1988.

Quá trình xin phong thánh tại Việt Nam từ năm 1985 có những diễn tiến sau:

Những nỗ lực làm việc âm thầm của nhiều thành phần Công giáo Việt Nam ở cả trong và ngoài nước (có liên kết với một số giáo hội ngoại quốc như Pháp, Tây Ban Nha,...) trong việc hoàn thiện hồ sơ phong thánh, trong đó có dấu ấn đáng kể của linh mục Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ, cáo thỉnh viên chính cho án tuyên thánh 117 vị tử đạo tại Việt Nam.

Ngày 16-11-1985, Hồng y Trịnh Văn Căn viết *Thỉnh nguyện thư* đề nghị xin phong thánh cho tất cả 117 vị Chân phước đã được phong 4 đợt trước đó. Sau đó lần lượt đến các dòng Đa Minh, Hội Thừa sai Paris.

Ngày 18-4-1986, Bộ phong thánh của Vatican công bố văn kiện (số 1518-1986) xướng xuất vụ án phong thánh các Chân phước. Sau đó Hội đồng giám mục Philippines, Tây Ban Nha gửi *Thỉnh nguyện thư*.

Ngày 22-6-1987 Giáo hoàng John Paul II sau khi tham khảo cơ mật viện của Tòa thánh đã phán quyết chấp thuận việc phong 117 thánh tử đạo Việt Nam.

Ngày 26-6-1987 Tòa thánh ra văn kiện chính thức làm lễ tôn phong vào ngày 19-6-1988. Sự kiện này đã trở thành một vấn đề chính trị xã hội phức tạp, tạo ra hiệu ứng trái chiều đối với các thành phần chính trị, các cộng đồng khác nhau.

Từ phía Công giáo Việt Nam, xu thế chung là không khí phấn khởi và tự hào. Về phía nhà quản lý, các cơ quan an ninh, ngoại giao, nhà nghiên cứu... của Việt Nam đã có nhiều động thái thể hiện lập trường của Chính phủ Việt Nam đương thời đối với sự kiện này. Ban Tôn giáo Chính phủ cũng đã cùng Ủy ban Khoa học Xã hội và Viện Sử học tổ chức 3 cuộc hội thảo khoa học¹⁷ trong khoảng từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1988 để tập hợp đồng ý kiến của những người làm khoa học, nhà quản lý, giới tu sĩ về vấn đề phong thánh tử đạo ở Việt Nam.

Nếu chú ý có thể thấy việc chọn lựa năm 1988 để thực hiện lễ phong thánh cho các vị tử đạo ở Việt Nam không phải là ngẫu nhiên, vì nó trùng con số 117 giữa 117 vị thánh tử đạo với 117 năm tính từ vị thánh tử đạo đầu tiên đến vị thánh tử đạo cuối cùng (trong số 117 vị được tôn phong). Những người được phong thánh cũng đều chết trong chế độ xã hội cũ, và không phải chỉ Việt Nam mà nhiều quốc gia khác cũng có những vị thánh tử đạo được tôn phong. Trong một nghiên cứu thuộc loại sớm nhất trong số các nghiên cứu về vấn đề thánh tử đạo trong nước, tác giả Đỗ Quang Hưng cho rằng “bản thân chuyện phong thánh không phải là ý đồ xấu của giáo hội, đó là một truyền thống lâu đời. Trong chủ đích mong muốn “quốc tế hóa” danh sách các vị thánh của mình, gần đây, Giáo hội đã tổ chức phong thánh ở khắp nơi ngoài Rôma, như Ba lan, Phi Luật Tân, Nhật Bản, Nam Triều Tiên... Điều ấy cũng trở nên *bình thường* như việc đã xảy ra trong quá khứ, khi giáo hội thực thi ý đồ “Việt Nam hóa” hàng giáo phẩm Việt Nam dưới thời trị vì của các vị Giáo hoàng có tinh thần cởi mở. Tôi cũng có thể đồng tình với một thái độ Công giáo là, nếu vụ phong thánh đã bị những người có tinh thần chống cộng “chính trị hóa”, thì chúng ta phải có trách nhiệm giải tỏa những khúc mắc chính trị, làm “sáng tỏ lại ý nghĩa tốt đẹp của sự phong thánh”...”¹⁸.

Ngày nay, một số “án phong thánh” tử đạo Việt Nam vẫn tiếp tục diễn ra, với một số vị như Anrê Phú Yên, Trương Bửu Diệp, Nguyễn Văn Thuận,... Mặc dù có gây ra những lo ngại về mặt chính trị, nhưng vấn đề thánh tử đạo tại Việt Nam cho đến nay đã trở thành một dấu ấn lịch sử đối với những địa phương có liên quan đến các vị tử đạo. Ở đó dần hình thành nên những đền thánh, tạo sức hút nhất định đối với người Công giáo và cả người ngoài Công giáo, tạo ra những không gian thiêng và những thực hành tôn giáo mới của Công giáo Việt Nam.

2. Việc thờ kính thánh tử đạo của Công giáo tại Việt Nam

Một số quy định về thờ kính các nhân vật tử đạo tại Việt Nam trước thời điểm 19/6/1988

Tại Việt Nam, ngay từ đầu thế kỷ 20, khi mà nhiệm vụ sưu tầm hạnh tích các nhân vật tử đạo tại Việt Nam một cách có hệ thống được giám mục Paul-François Puginier Phước (1835-1892) giao phó cho giám mục Pierre-Jean-Marie Gendreau Đông (1850 - 1935). Những quy định về việc thờ kính các nhân vật tử đạo đã được nêu trong các *Thư chung* địa phận Tây Đàng Ngoài, cụ thể như sau:

(1) Trong thư ngày 14 tháng 2 năm 1870 *Về sự kính các ông tử vì đạo chưa có chức thánh* do Giám mục Bảo Lộc Phước kí, có các quy định¹⁹:

Tòa thánh yêu cầu phải tìm “sách vở tờ bồi kẻ tử vì đạo đã đặt ra, dù thư từ sổ sách và những giấy má”, trừ những thư từ sổ sách đời vua Minh Mệnh thì để vậy, rồi viết thư trình, còn sổ sách khác phải thu lấy mà gửi cho Tòa thánh.

Những dấu tích thuộc về các đấng tử vì đạo, như gông xiềng, dây trói, thẻ xử, chiếu ngồi khi chịu xử, quan tài đã táng xác, vải thấm máu, xương, răng, các đồ dùng, các đồ ăn mặc..., thì giữ cho cẩn thận; trong các nhà xứ phải làm sổ những người giữ dấu tích ấy.

Cấm ngắt cải táng xác các ông tử vì đạo khi chưa được chấp thuận.

Cấm ngắt táng xác kẻ chưa có chức thánh dưới bàn thờ linh mục làm lễ.

Cấm đốt đèn nến, đốt hương nơi mồ kẻ tử vì đạo; cấm làm các việc lập bàn thờ hay dọn án thư trong nhà mồ, vẽ ảnh tượng mà có hào quang ánh chiếu sáng xác hay ảnh tượng, đem rước kiệu ảnh tượng không có hào quang, để xác trên bàn thờ cho người ta đi viếng, treo ảnh tượng trong nhà thờ hay trong nhà rẫy, đốt đèn nến trước mặt ảnh tượng ấy.

Không nên làm câu đối hay bia đá trong nhà mồ hay nơi treo ảnh tượng các đấng tử vì đạo nói về sự kính thờ đấng ấy như kính thờ ông thánh, nhưng không cấm làm câu đối chỉ nói về trả nghĩa báo hiếu.

Cấm các họ đạo nhận các đảng tử vì đạo làm quan thầy.

Cấm lập kinh mới cho người ta học và cầu cúng các đảng tử vì đạo; cấm người ta khi đọc kinh chung trong nhà thờ lẫn với kinh ấy.

Cấm đặt thơ về mới kể về các đảng tử vì đạo, còn các thơ về cũ thì cũng phải lấy một bản mà gửi cho linh mục.

Cấm linh mục và thầy giảng khi giảng trong nhà thờ không được kể tích truyện về các đảng tử vì đạo mà nhận họ là đảng thánh và dạy bọn đạo kính thờ hay cầu khẩn.

Linh mục không được mặc áo dòng giảng giải khuyên bảo bọn đạo khi họ đi viếng mộ các đảng tử vì đạo, hay tổ chức việc đi viếng ấy.

(2) Trong thư ngày 12 tháng 2 năm 1901 về *Kính các đảng tử vì đạo có chức Phúc lộc*²⁰ do Giám mục Phêrô Maria kí có quy định về hai cách kính thờ xương các thánh: một là kính riêng, hai là kính thờ thay mặt Hội thánh. Trong đó khi nào kính thờ riêng, miễn là đừng làm điều gì không xứng đáng, còn thì muốn tỏ ra lòng kính trọng thế nào cũng được, còn sự kính thờ thay mặt Hội thánh, là khi có “đăng làm thầy mặc áo chức mà đứng đầu trong việc ấy”, thì phải giữ lễ lối và thói quen cùng những lề luật Hội thánh đã lập ra, không được bày ra điều gì mới lạ. Vào thời điểm năm 1901 sự kính thờ thay mặt Hội thánh các thánh mới phong chức thánh bậc nhì phải tuân thủ những điều sau:

Nếu có vẽ tranh đúc tượng các thánh mới, thì không được để tranh hay tượng trên bàn thờ, chỉ được để hay treo nơi tường vách nhà thờ.

Sự làm lễ và đọc officium²¹ các thánh mới, thì phải có phép riêng Tòa thánh ban cho thế nào thì được làm như thế.

Những kinh cầu xin cùng các thánh mới, thì chỉ khi bề trên đã xét và cho phép đọc, thì mới được đọc chung và đọc to tiếng trong nhà thờ.

Tòa thánh ban phép kính thờ và xông hương xương thánh, cho người ta hôn kính trong nhà thờ, song sự rước xác trọng thể bên ngoài dạng như đi kiệu Đức Bà thì chưa được phép.

Chưa được chọn các thánh mới làm quan thầy các nhà thờ.

Xương các thánh mới đã để nơi nào, trong nhà thờ nào, thì không được đem để nơi khác khi chưa được bề trên cho phép. Cấm mở hòm hay là mở mồ đựng xương các thánh.

Khi nào để xương thánh ở nơi trống cho người ta kính thì phải đốt hai đèn hay là hai nến (mỗi một bên một cái). Khi không đốt đèn nến thì phải che kín.

Nơi nào được phép làm lễ kính các thánh mới, thì được để xương thánh nơi trống trong nhà thờ (như trên án thư hay là bàn thờ cạnh), nhưng không được để trước cửa nhà châu hay là trên nhà châu đã để Minh thánh.

Ai có xương các thánh thì không được cạo xương thánh ấy để lấy bột xương pha vào nước hay là thuốc cho người ốm uống.

Khi châu Minh thánh trọng thể, thì không được để xương các thánh cho người ta kính gần bàn thờ có Minh thánh châu.

Không được để xương các thánh trong nhà châu cùng Minh thánh.

Khi làm bàn thờ phải để một khoang giữa trống bên dưới để hòm xương thánh. Nơi nào về sau sắm được hòm quý giá xứng đáng để chính làm hòm đựng xương thánh thì càng tốt.

Những quy định chi tiết nêu trên cho thấy sự quan tâm của giáo hội (ở đây trước hết là người đứng đầu địa phận Tây Đàng Ngoài) đối với việc chế ước các thực hành thờ kính những nhân vật tử vì đạo, tránh những hình thức thờ kính tự phát hoặc vượt phạm vi. Việc giữ gìn di tích, di vật, và sự trang nghiêm trong thực hành thờ kính các vị tử đạo cũng được chú trọng. Có thể thấy là vào thời điểm năm 1870 các hình thức thờ kính tự phát các đấng tử vì đạo bị cấm khá ngặt, trong đó có những việc như: Cấm đốt đèn nến, đốt

huong nơi mồ kẻ tử vì đạo; Cấm các họ đạo nhận các đảng tử vì đạo làm quan thầy; Cấm đặt thơ về mới kể về các đảng tử vì đạo,... Đến thư chung năm 1901 và trong những thư tiếp theo những quy định về vấn đề này đã có những sự chuyển biến dần dần theo hướng giảm bớt các điều cấm. Tuy nhiên, vẫn có những quy định chặt chẽ để tránh việc thờ kính một cách tự phát các nhân vật tử đạo như việc đặt ra thơ ca, hò vè về các thánh phải được dâng bản quyền thông qua, hay những kinh cầu xin các thánh mới thì chỉ khi bề trên đã xét và cho phép đọc mới được đọc chung và đọc to tiếng trong nhà thờ... Bên cạnh đó, còn có các quy định *Về kinh cầu xin các thánh tử vì đạo*; quy định về việc “*Làm phép hộp đựng hài cốt các thánh*” được ghi chép trong *Sách các phép*²².

Ngoài những quy định chung trên đây, cho đến nay không nhiều ghi chép về việc thờ kính các nhân vật tử đạo của Công giáo Việt Nam trước thời điểm 19/6/1988 được phổ biến. Hay nói cách khác, dường như việc thờ kính này diễn ra lặng lẽ và có tính chất địa phương.

Về khái niệm thờ kính thánh tử đạo trong bối cảnh hiện nay:

“Thờ” trong tiếng Việt được hiểu là một động từ chỉ hành động tỏ lòng tôn kính thần thánh, vật thiêng hoặc linh hồn người chết bằng hình thức lễ nghi, cúng bái theo phong tục hoặc tín ngưỡng. Có một số từ mà chúng tôi cho rằng có cùng trường nghĩa với “thờ”, như “thờ lạy”, “tôn thờ”, “tôn kính”, “thờ kính”.

Theo *Từ điển Công giáo, thờ lạy* “là một hành vi đức tin, công nhận quyền tối thượng của Thiên Chúa trên con người”²³. *Tôn thờ* “là hành vi thuộc đức thờ phượng chỉ dành cho Thiên Chúa, Đấng duy nhất đáng được thờ phượng”²⁴. Còn *tôn kính* “là lòng tôn trọng và kính mến, việc tôn kính diễn tả sự tôn trọng và kính mến đối với Đức Mẹ, các thánh và tổ tiên”²⁵.

Trong bài viết này, khái niệm *thờ kính* được chúng tôi hiểu là thờ phụng và tôn kính, hay thờ phụng với tấm lòng tôn kính. Chúng tôi cho rằng cách hiểu này phù hợp với thông lệ sử dụng từ ngữ của

giáo hội Công giáo đối với các nhân vật tử đạo được tôn phong lên hàng hiển thánh.

Có nhiều hình thức bày tỏ lòng tôn kính công khai dành cho các thánh, như:

Qua ngày lễ phụng vụ, gồm việc tưởng nhớ trong thánh lễ, phụng vụ giờ kinh, thường là với những lời nguyện riêng;

Qua việc trưng bày hình ảnh của các vị trên bàn thờ, hoặc tư gia;

Qua việc tôn kính hài cốt, lăng tẩm của các vị;

Qua việc nhận các vị làm bổn mạng riêng cho cá nhân, hoặc cho một cộng đồng, một cơ sở.

Đây là các hình thức tôn kính mang tính toàn cầu theo nghi lễ Rôma.

Mỗi quốc gia, giáo tỉnh, giáo phận lại tùy vào điều kiện của mình mà xác lập đền thờ tôn kính các thánh tử đạo. Các thực hành nghi lễ và dư luận cộng đồng đối với thánh tử đạo tại mỗi địa phương lại tùy thuộc vào hạnh tích các thánh, tập tục địa phương, và sự sáng tạo nghi lễ bản địa dựa theo quy chuẩn chung là nghi lễ Rôma. Ngoài ra, ảnh hưởng khu vực của các thánh tử đạo và đền thánh tử đạo nhất định cũng làm gia tăng việc lưu chuyển, thu hút tín đồ trong các dịp lễ trọng đến các đền thánh/trung tâm hành hương thánh tử đạo đó để cầu nguyện, xin ơn.

Tại Việt Nam, thông thường khi các nhân vật tử đạo đã được công nhận là “hiển thánh” rồi, thì dựa trên nhu cầu, điều kiện của từng địa phương, cộng đồng tín hữu sẽ xây dựng “đền thánh tử đạo” để thờ kính các nhân vật tử đạo có mối liên quan với địa phương mình. Có ngày thờ kính riêng đối với mỗi vị thánh tử đạo, căn cứ vào ngày “sinh nhật nước trời”, cũng có ngày lễ chung cho tất cả các “thánh tử đạo” Việt Nam (ngày 24 tháng 11 hàng năm).

Về khái niệm “đền thánh”:

Trong *Từ điển Công giáo*, “Đền (殿²⁶) được hiểu là điện thờ thần thánh hoặc người có công có đức lớn với dân; thánh (聖): thuộc về thần linh”²⁷.

Trong *Giáo luật 1983*, từ điều 1230 đến 1234 có định nghĩa và các quy định liên quan đến *đền thánh*. Trong đó khái niệm *đền thánh* được nêu ở điều 1230 như sau: “Đền thánh được hiểu là một nhà thờ hay một nơi thánh nào khác, mà nhiều tín hữu đi hành hương tới đó vì lòng đạo đức đặc biệt, với sự chấp thuận của Đấng Bản quyền địa phương”²⁸.

Ngoài ra còn một thuật ngữ có ý nghĩa tương tự là “thánh điện”. *Giáo luật Công giáo* phân loại các thánh điện làm ba hạng, dựa trên tầm mức quan trọng của nó:

1. Thánh điện giáo phận, do Bản quyền sở tại thiết lập.
2. Thánh điện quốc gia do Hội đồng Giám mục thiết lập.
3. Thánh điện quốc tế, do Toà thánh phê chuẩn.

Thẩm quyền thiết lập cũng sẽ châu phê quy chế của thánh điện. Trong quy chế phải xác định nhất là về mục đích, quyền hạn của vị quản đốc, tài sản và việc quản trị.

Thẩm quyền thiết lập thánh điện cũng có thể ban các đặc ân xét trong hoàn cảnh cụ thể, có nhiều khách hành hương, và nhất là ích lợi của tín hữu đòi hỏi. Các đặc ân ấy có thể là một số ân xá, hoặc năng quyền giải vạ dành cho cha giải tội, hoặc là việc cử hành lễ ngoại lịch...

Trên thực tế, ở Việt Nam, đặc biệt là tại những giáo phận chịu ảnh hưởng của dòng Đa Minh, có hai dạng đền thánh cùng tồn tại: đền thánh liên quan đến những vị tử vì đạo và đền thánh là những công trình nhà thờ có lịch sử, địa vị đặc biệt đối với giáo phận, cũng như với lịch sử truyền bá Công giáo tại Việt Nam.

Hơn 30 năm sau án phong thánh tử đạo tại Việt Nam: sự nở rộ trong việc xây sửa các đền thánh và việc hành hương đến những địa điểm liên quan đến thánh tử đạo

Không lâu sau khi 117 nhân vật tử đạo tại Việt Nam được phong thánh, đã có những đền thánh tử đạo được xây dựng, ví như đền thánh Phêrô Lê Tuyền tại Bằng Sở (được xây năm 1994), đền thánh

Phê-rô Trương Văn Thi và Phê-rô Trương Văn Đường tại Sở Kiện, đền kính Thánh Phaolô Nguyễn Văn Mỹ tại Kẻ Non,... Đặc điểm chung của những đền thánh này là nằm kề cận nhà thờ, diện tích khá nhỏ, thường xây theo hình tứ giác, lục giác hoặc bát giác có mái che kiểu vòm cuốn, cách bài trí bên trong khá đơn giản, gồm tượng thánh (hoặc tranh, ảnh thánh), ban thờ, và không gian cho người đến hành lễ có thể kê thêm bàn ghế.

Năm 2018, dựa trên thẩm quyền theo Giáo luật, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã ban hành “Thư công bố Năm thánh tôn vinh các Thánh Tử Đạo Việt Nam” do Tổng Thư ký Hội đồng Giám mục (HDGM) Việt Nam Phê-rô Nguyễn Văn Khảm và Chủ tịch HDGM Việt Nam Giuse Nguyễn Chí Linh ký ngày 1/5/2018. Nội dung văn bản này có “thông báo và đề nghị” Hội đồng giám mục mỗi giáo tỉnh ở Việt Nam ấn định một Trung tâm hành hương trong Năm Thánh: Vương cung thánh đường Sở Kiện (Giáo tỉnh Hà Nội); Trung tâm hành hương Thánh Mẫu La Vang (Giáo tỉnh Huế); Trung tâm hành hương Ba Giồng (Giáo tỉnh Sài Gòn). Ngoài ra, trong mỗi Giáo phận, đáng bản quyền sẽ chỉ định một nhà thờ hoặc một trung tâm làm địa điểm hành hương trong Năm Thánh²⁹. Cũng theo văn bản này, các tín hữu được hưởng ơn toàn xá khi: (1) tham dự Lễ Khai mạc và Bế mạc Năm Thánh; (2) hành hương đến các địa điểm được chỉ định.

Văn bản trên đưa đến một số thắc mắc nhỏ, là các trung tâm hành hương Công giáo được chọn lựa không chỉ tồn tại “trong Năm Thánh” mà chắc hẳn sẽ còn tồn tại lâu dài, việc xây dựng các trung tâm hành hương này có lẽ cũng đã được nghiên cứu, lên kế hoạch xây dựng từ trước năm 2018. Có những vị thánh tử đạo được chọn lựa để trở thành một nhân vật trung tâm của điểm hành hương, còn một số đền thánh lại ít được biết đến hơn, vậy tiêu chí nào để chọn lựa? Có sự phân cấp ngay trong hàng các thánh tử đạo tại Việt Nam hay không? Và một điều chắc chắn là không chỉ có các “tín hữu” mới đến kêu cầu/thăm viếng một số trung tâm hành hương Công giáo, mà trong số những người hành hương có cả những người

ngoại đạo. Vậy những người ngoại đạo có được hưởng “ơn toàn xá” hay không?

Trên thực tế, trong khoảng thời gian ngắn trước và sau năm 2018 đã và đang có nhiều đền thánh mới được tái thiết hoặc xây dựng như đền thánh Phanxicô Xavie Nguyễn Cần tại Sơn Miêng, hay đền thánh Hải Dương,... Các Trung tâm hành hương lớn như Sở Kiện, La Vang, Ba Giồng... có sự chỉnh trang, xây mới nhiều công trình quan trọng, tạo ra một diện mạo mới làm tiền đề cho sự phát triển các thực hành thờ kính thánh tử đạo tại Việt Nam. Cách thiết kế, bài trí của các đền thánh xây sửa mới này cũng lớn hơn hẳn về diện tích, và trang hoàng phức tạp hơn, có thể còn có nhiều tranh, tượng của các thánh khác được đặt bên trong đền thánh, đó là sự khác biệt so với những đền thánh đã được xây dựng tại Việt Nam trước đây.

Trở lại với mục đích hành hương/thăm viếng đền thánh tử đạo, lấy một ví dụ tại Trung tâm hành hương Bằng Sở, việc thờ kính Thánh Phêrô Lê Tuyền thu hút nhiều khách hành hương từ các nơi khác, đặc biệt là trong dịp diễn ra lễ giỗ của vị thánh tử đạo cao niên này. Tại đây có 27 “Ôn xin và tạ ơn cha thánh Phêrô Lê Tuyền”, trong đó các ơn xin: “*Được như ý*”, “*Được mọi sự lành bình yên*”, “*Được khỏi bệnh tật*”, hay “*Gia đình thuận hòa*” thường là những ơn xin chiếm tỉ lệ cao nhất³⁰. Trên thực tế, có một số lượng không nhỏ người đến xin ơn mà không thông qua giáo xứ. Do đó, số lượng người đến đền thánh Lê Tuyền xin ơn còn lớn hơn con số thống kê được. Số người xin ơn luôn lớn hơn số người tạ ơn, tổng số người xin ơn hàng tháng thường ở mức trên 30.000 người, tổng số lượng người đến xin ơn và tạ ơn trong tháng 10 luôn cao nhất trong năm (trên 100.000 người) bởi đây là dịp giỗ thánh Phêrô Lê Tuyền, thời điểm trung tâm tổ chức nhiều sự kiện long trọng nhất trong năm.

Về tổ chức lễ kính các thánh tử đạo, và “lễ hội” quanh sự kiện này

Ngoài ngày lễ chung cho các thánh tử đạo, còn có ngày lễ kính nhân “sinh nhật nước trời”, tức ngày qua đời của các vị. Đây là một dịp lễ quan trọng, thông thường sẽ có mặt của đảng bản quyền cùng các linh mục trong giáo phận, các giám mục, giáo dân và khách

mời, những người quan tâm đến ngày lễ. Lễ rước các thánh với kiệu, nhạc cụ, phục trang,... của những tín hữu tham dự thực hành nghi lễ thường mang đậm màu sắc Việt Nam, nhưng ngăn nắp và trật tự theo đúng truyền thống Công giáo. Với những trung tâm hành hương lớn đội ngũ phụ trách truyền thông đã ứng dụng nhiều phương tiện kỹ thuật mới như đặt camera, màn hình tivi, flycam, cùng các cách thức trình chiếu trực tuyến, các mạng xã hội,... để hình ảnh các buổi lễ, các thông điệp liên quan đến các vị thánh tử đạo được truyền đạt nhanh, đa dạng và trực tuyến nhất đến với những ai quan tâm.

Tại các đền thánh tử đạo nói chung việc thờ kính các thánh tử đạo đều tuân thủ theo quy định của Giáo hội Công giáo. Ngày lễ kính chung cho các thánh tử đạo Việt Nam là ngày 24 tháng 11 hàng năm, ngày Chúa nhật thứ 33 Mùa Thường niên và ngày 19 tháng 6 là ngày phong Thánh cho các vị tử đạo Việt Nam.

Kết Luận

Vấn đề tôn kính thánh tử đạo suy cho cùng là một vấn đề tôn giáo xuyên quốc gia, bởi nó mang tính phổ quát, được Tòa thánh Roma quốc tế hóa, và đã xuất hiện ở rất nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

Tại Việt Nam, sau hơn 30 năm kể từ ngày 117 vị tử đạo tại Việt Nam được phong thánh, ngày nay ở hầu khắp các địa phương có dấu tích liên quan đến thánh tử đạo đều đã xuất hiện các đền thánh tử đạo. Thậm chí một số vị thánh tử đạo còn được dựng đền thánh ở nhiều hơn một địa phương³¹. Việc bảo tồn các di tích, di vật liên quan đến thánh tử đạo cũng như xương thánh là khá tốt, tại Sở Kiến còn lưu giữ rất nhiều di vật dạng này.

Đối với người Công giáo Việt Nam, việc có một vị thánh, có một đền thánh tử đạo có thể coi là một niềm tự hào đối với cộng đồng Công giáo mỗi địa phương, và đối với giáo hội Công giáo tại Việt Nam việc có 117 vị được phong thánh trong một đợt, về mặt số lượng cũng có thể nói là có những khía cạnh đáng tự hào. Sự

sùng kính thánh tử đạo tại Việt Nam nhìn chung cũng theo xu thế chung của Công giáo thế giới với tính phổ quát và thống nhất cao. Tuy vậy, trong một đất nước có một truyền thống văn hóa phong phú, lâu đời, các thực hành thờ kính thánh tử đạo tại mỗi địa phương vẫn có những nét riêng về mặt nghi lễ, cũng như về tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của những người đến “xin ơn” cầu bầu của các thánh. Với tâm tình của người Việt Nam, đây là điều đáng khuyến khích bởi nó thể hiện lòng đạo đức bình dân và mối liên hệ gắn bó gốc nguồn xuyên tôn giáo (chẳng hạn như mối quan hệ gia đình-gia tộc, quốc gia-dân tộc).

Và không những chỉ đóng vai trò chuyển lời xin ơn lên những cấp bậc cao hơn, nhiều thánh tử đạo tại Việt Nam được người đến xin ơn tin tưởng là có thể trực tiếp giải quyết được những vấn đề của họ. Chính bởi vậy, có một số đền thánh có số lượng người đến hành hương rất lớn. Thậm chí có những vị chưa được phong thánh nhưng đã được người dân cả Công giáo và ngoại giáo coi là vị thánh có phép lạ đặc biệt (như trường hợp Phanxicô Xaviê Trương Bửu Diệp).

Hiện nay, trên khắp Việt Nam dường như đang có hiện tượng đẩy mạnh xây dựng hoặc mở rộng các đền thánh tử đạo, trong đó có những trung tâm hành hương thánh tử đạo có quy mô lớn (Ba Giồng, Bằng Sở,...). Điều này chứng minh chính sách cởi mở của nhà nước Việt Nam hiện nay đối với vấn đề tôn giáo nói chung, đối với Công giáo nói riêng, đồng thời cũng cho thấy bộ mặt kinh tế khấm khá hơn của xã hội, trong đó có người Công giáo sau hơn 30 năm đổi mới. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ban từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Từ điển Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 790-791.
- 2 Ban từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Từ điển Công giáo*, Sđd, tr. 103.
- 3 Tiểu ban Từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 368.

- 4 Từ thế kỷ IV trở đi, khi các thánh đường, đền thờ bắt đầu được xây dựng, các Kitô hữu xây dựng nhà thờ tại nơi mà Chúa đã đi qua, còn ở Rôma người ta cất nhà thờ tại những nơi mà các thánh tông đồ đã hy sinh vì đức tin. Từ đó việc xây cất nhà thờ, hay bàn thờ trên mộ các thánh tử đạo trở thành một tiêu chuẩn được chấp nhận. Tuy nhiên, do có nơi có nhiều vị tử đạo, cũng có nơi không có vị tử đạo nào. Do đó mà có chuyện cải hài cốt của các vị, hoặc là để tôn kính ở một chỗ xứng đáng hơn, hoặc là dành cho những thành phố nào muốn cất nhà thờ mà không có mộ của thánh tử đạo.
- 5 Phan Tấn Thành (2009), *Hiểu để sống đức tin*, Tập III, Học Viện Đa Minh, Tp Hồ Chí Minh, tr. 110-111.
- 6 Trích: *Kinh các Thánh tử đạo Việt Nam*.
- 7 Theo: Phan Tấn Thành (2012), *Giải thích Giáo luật, tập IV: Nhiệm vụ giảng dạy và thánh hóa của Giáo hội*, Học viện Đa Minh Gò Vấp, tr. 399-404.
- 8 Theo *Hiến chế Phụng vụ* (Sacrosanctum Concilium), “Để những lễ kính các Thánh không lẫn át các lễ kính nhớ chính những mâu nhiệm cứu chuộc, nhiều lễ các Thánh sẽ để cho từng Giáo hội địa phương, hoặc cho mỗi Quốc gia hay Dòng tu cử hành. Chỉ phổ biến cho toàn thể Giáo hội những lễ kính các Thánh thực sự có tầm quan trọng phổ quát”.
- 9 Đào Trung Hiệu, *Cuộc lữ hành đức tin, Tập II: Giáo hội thế kỷ XV-XX*, In lần thứ IV, Tháng 11-1997, tr 203-204.
- 10 Theo: Đỗ Quang Hưng (1990), *Một số vấn đề về lịch sử Thiên Chúa giáo ở Việt Nam*, Hà Nội, tr. 71.
- 11 Xem: Đỗ Quang Hưng (1990), *Một số vấn đề về lịch sử Thiên Chúa giáo ở Việt Nam*, sđd, tr. 70-72.
- 12 Giám mục Paul-François Puginier (1835-1892), tên Việt là Phước.
- 13 Giám mục Pierre-Jean-Marie Gendreau (1850 -1935), tên Việt là Đông.
- 14 Lê Ngọc Bích (chủ biên), Lê Đình Bảng, Lê Thiện Sĩ (2009), *Giám mục người nước ngoài qua chặng đường 1659-1975 với các giáo phận Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 246.
- 15 Tức giám mục Paul-François Puginier.
- 16 Lê Ngọc Bích (chủ biên), Lê Đình Bảng, Lê Thiện Sĩ (2009), *Giám mục người nước ngoài qua chặng đường 1659-1975 với các giáo phận Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 247.
- 17 Hội nghị khoa học lần 1: 8-9/1/1988 tại Hà Nội; Hội nghị khoa học lần 2: 11-12/3/1988 tại Tp.Hồ Chí Minh; Hội nghị khoa học lần 3 có tính chất toàn quốc: 8-9-10/6/1988, tại Tp.Hồ Chí Minh.
- 18 Xem: Đỗ Quang Hưng (1990), *Một số vấn đề về lịch sử Thiên Chúa giáo ở Việt Nam*, sđd, tr. 79.
- 19 Xem thêm: *Sách thuật lại các Thư chung Địa phận Tây Đàng Ngoài*. In tại Kẻ Sờ, 1908, tr. 585-588.
- 20 Xem: *Sách thuật lại các Thư chung Địa phận Tây Đàng Ngoài*, sđd, tr. 588-590.

- 21 Officium có những nghĩa khác nhau tùy theo văn mạch: nghĩa thứ nhất là “bổn phận” nghĩa thứ hai là về giáo vụ và ý nghĩa thứ ba của nó là văn phòng, cơ quan quản trị công.
- 22 Xem: Hồng y Trịnh Văn Căn (1983), *Sách các phép*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, tr. 254-255.
- 23 Ban từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Từ điển Công giáo*, sđd, tr. 858.
- 24 Ban từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Từ điển Công giáo*, sđd, tr. 916.
- 25 Ban từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Từ điển Công giáo*, sđd, tr. 915.
- 26 Âm Hán Việt là “điện”, âm Nôm là “điện” hoặc “đền”.
- 27 Ban từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam, (2016), *Từ điển Công giáo*, sđd, tr. 262.
- 28 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ giáo luật 1983*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 376.
- 29 Xem: Hội đồng Giám mục Việt Nam, “Thư công bố Năm thánh tôn vinh các Thánh Tử Đạo Việt Nam”, Làm tại Tòa TGM Huế, ngày 1 tháng 5 năm 2018.
- 30 Theo thống kê của Trung tâm hành hương Thánh Phêrô Lê Tuy (Bảng Sờ) trong năm 2019, truy cập tháng 10/2019, nguồn: <http://denthanhpheroletuy.net>
- 31 Ví dụ như: Thánh tử đạo Vũ Bá Loan được xây đền tại các giáo xứ Phú Mỹ, Chuyên Mỹ, Bút Đông...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam, (2016), *Từ điển Công giáo*, Nxb. Tôn giáo Hà Nội.
2. Ban Năm thánh, Tổng giáo phận Hà Nội (2018), *Học hỏi các thánh tử đạo Việt Nam Kỷ niệm 30 năm tuyên phong hiển thánh 1988-19/6-2018*, Hà Nội.
3. Lê Ngọc Bích (chủ biên), Lê Đình Bảng, Lê Thiện Sĩ (2009), *Giám mục người nước ngoài qua chặng đường 1659-1975 với các giáo phận Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Trịnh Văn Căn (1990), *Sách truyện các thánh tử đạo Việt Nam: Tập I*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội.
5. Trịnh Văn Căn (1990), *Sách truyện các thánh tử đạo Việt Nam: Tập II*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội.
6. Hồng y Trịnh Văn Căn (1983), *Sách các phép*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội.
7. Norman Davies, Lê Thành dịch (2012), *Lịch sử châu Âu*, Nxb. Từ điển bách khoa,

8. Nguyễn Hồng Dương (1998), *Nhà thờ Công giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Đào Trung Hiệu (2013), *Hành trình ân phúc, Hội thánh Công giáo tại Việt Nam 480 năm đón nhận tin mừng 1533-2012*, Chân Lý ấn hành.
10. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ giáo luật 1983*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Thư công bố Năm thánh tôn vinh các Thánh tử đạo Việt Nam*, ngày 1 tháng 5 năm 2018.
12. Hội đồng Giám mục Việt Nam, Giám mục Phêrô Nguyễn Văn Khảm chủ biên (2018), *Hạnh các thánh tử đạo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
13. Hiệp Thông (Bản tin của Hội đồng Giám mục Việt Nam), Số 107 (tháng 7&8 năm 2018): Noi gương các Thánh tử đạo Việt Nam. Tp. Hồ Chí Minh.
14. Đỗ Quang Hưng (1990), *Một số vấn đề về lịch sử Thiên Chúa giáo ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.
15. Đỗ Quang Hưng (2010), *Đời sống tôn giáo tín ngưỡng Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.
16. Nguyễn An Khang (Chủ biên, 2010), *15 Đấng Thánh tử đạo quê hương Tổng Giáo phận Hà Nội*, Tổng Giáo phận Hà Nội ấn hành.
17. P.M.Gendreau, *Sách thuật lại các Thư Chung Địa phận Tây Đàng Ngoài*, In tại Kê Sở năm 1908.
18. Nguyễn Nghị, Nguyễn Quốc Thái, Không Thành Ngọc, Hoàng Minh Thức (2015), *Nhà Thờ Công giáo Ở Việt Nam Kiến Trúc-Lịch Sử*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
19. Vũ Huy Phúc (1988), “Khoa học xã hội và vấn đề phong thánh tử đạo Việt Nam”, Viện Thông tin Khoa học xã hội-Thông tin Khoa học xã hội, số 2-3, tr. 72-76.
20. Bùi Đức Sinh (2004), *Các thánh tử đạo Việt Nam trong Giáo hội Công giáo*, California-USA.
21. Bùi Đức Sinh (2010), *Các thánh tử đạo Việt Nam trong lịch sử Giáo hội Công giáo*, San Jose-California-USA.
22. Phan Tấn Thành (2002), *Giải thích Giáo luật, tập IV*, Học viện Đa Minh Gò Vấp.
23. Phan Tấn Thành (2009), *Hiểu để sống đức tin, Tập 3*, Học viện Đa Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
24. *Thiên hùng sử 117 hiền thánh tử đạo Việt Nam*, Cộng đồng Công giáo Việt Nam, San Jose, California, Mỹ, 1990.
25. *Sách truyện các Thánh*, Bản tiếng Việt, In tại nhà in Nazareth Hồng Kông năm 1930.
26. <http://www.giaoxugiaohovietnam.com/HaNoi/01-Giao-Phan-HaNoi-BangSo-SoHa.htm>, truy cập tháng 10/2019.
27. *Sách thuật lại các Thư chung Địa phận Tây Đàng Ngoài*. In tại Kê Sở, 1908.

28. *Sách truyện cha thánh Lê Tuyền*, in tại Bằng Sở, Hà Nội.

29. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam & Ban Tôn giáo Chính phủ (1988), *Vấn đề phong thánh tử đạo và lịch sử dân tộc Việt Nam*, Hội nghị khoa học toàn quốc, 8,9,10-6-1988, Tp. Hồ Chí Minh.

Abstract

A REVIEW OF THE VENERATION OF MARTYRS IN VIETNAM FOR MORE THAN 30 YEARS AFTER THE CANONIZATION ON JUNE 19, 1988

Nguyen The Nam

*Institute for Religious Studies,
Vietnam Academy of Social Sciences*

On June 19, 1988, the Holy See officially celebrated the canonization of 117 ‘martyrs’ who died in Vietnam. This event caused many different opinions. Over a period of more than 30 years, with goodwill attitude from both the State of Vietnam and the Catholic Church, the Catholic martyrs in Vietnam have been venerated in most of the places related to them. People are free to worship, pray, and perform rituals and festivals at these temples in accordance with the provisions of Vietnamese law and international practices. Currently, the other Catholic characters in Vietnam have been in progress or awaiting approval for their canonization record; many Catholic temples have been built all over the country, some temples have become ‘pilgrimage centers’. Therefore, it is necessary to have an overview on veneration of the martyrs in Vietnam, discussion on some issues such as who are martyrs; The origin of martyrs in Vietnam? Regulations of the martyrs’ veneration in Vietnam before and after the event on June 19, 1988? This article partly explains the aforementioned problems.

Keywords: Martyrs; temples; canonization; veneration.